

Số: 3007/2026/TB-CTP
No.: 3007/2026/TB-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Hanoi, day 30 month 07 year 2026

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty (6 tháng)

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE (6 Months)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - *State Securities Commission;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

- Tên công ty/ *Name of company*: Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group/ *CTP Group Corporation*
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of head office*: Tầng 8, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *8th Floor, Simco Song Da Building, Van Phuc New Urban Sub-area, Van Phuc Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone*: 0838533333 Email: info.ctpcompany@gmail.com
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 120.999.920.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)/ *VND 120.999.920.000 (One hundred twenty billion nine hundred ninety-nine million nine hundred twenty thousand Vietnamese Dongs)*
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: CTP
- Mô hình quản trị công ty/ *Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and Chief Executive Officer.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ *The implementation of internal audit*: Chưa thực hiện/ *Not yet implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt / No.	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Resolution/ Decision No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents
1	01/2026/NQ- ĐHĐCĐ-BT	31/01/2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group thông qua các nội dung như sau/ <i>Resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders of CTP Group Joint Stock Company approved the following contents:</i> - Thông qua Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ <i>Approving the Proposal on the plan for share issuance to increase share capital from owner's equity;</i> - Thông qua Tờ trình Thay đổi tên Công ty/ <i>Approving the Proposal on the change of the Company's name;</i> - Thông qua Tờ trình cập nhật, thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara/ <i>Approving the Proposal on updating, amending, and supplementing the business lines of Hoa Binh Takara Joint Stock Company;</i> - Thông qua miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028/ <i>Approving the dismissal and election of replacement members of the Board of Directors for the 2023 – 2028 term.</i>
1	3006/2026/NQ- ĐHĐCĐ-CTP	30/06/2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group thông qua các nội dung như sau/ <i>The Annual General Meeting of Shareholders of CTP Group Joint Stock Company hereby resolves to approve the following matters:</i> - Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026/ <i>Approval of the Report on the Board of Directors' Activities in 2025 and the Action Plan for 2026;</i> - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Tổng Giám đốc/ <i>Approval of the Report on Business Performance in 2025</i>

		and the Business Plan for 2026 presented by the Board of Management; - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026/ <i>Approval of the Report on the Supervisory Board's Activities in 2025 and the Action Plan for 2026;</i> - Thông qua Tờ trình về việc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025/ <i>Approval of the Proposal on the Audited Financial Statements for the fiscal year 2025;</i> - Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026/ <i>Approval of the Proposal on the Selection of the Independent Audit Firm for the fiscal year 2026;</i> - Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến năm 2026/ <i>Approval of the Proposal on the Remuneration for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2025 and the Remuneration Plan for 2026; the 2025 Profit Distribution Plan and the 2026 Profit Distribution Forecast;</i> - Thông qua Tờ trình về việc chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan/ <i>Approval of the Proposal on the Policy for executing contracts and transactions between the Company and related parties;</i> - Thông qua Tờ trình về việc hủy bỏ và thay thế phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ <i>Approval of the Proposal on the cancellation and replacement of the plan to issue shares to increase charter capital from owners' equity;</i> - Thông qua Tờ trình về việc bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty/ <i>Approval of the Proposal on the appointment of additional Legal Representative of the Company;</i> - Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty/
--	--	---

			<i>Approval of the Proposal on the amendment and supplement of the Company's business lines;</i> - Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty/ <i>Approval of the Proposal on the amendment and supplement of the Company's Charter;</i> - Thông qua Tờ trình về việc phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ/ <i>Approval of the Proposal on the private placement of shares;</i> - Thông qua miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2028/ <i>Approval of the dismissal and replacement election of member(s) of the Board of Directors for the 2023 – 2028 tenure.</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ *Board of Directors (Semi-Annual Report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)/ <i>Position (Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm/ <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Trần Công Thành/ <i>Mr. Tran Cong Thanh</i>	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	29/06/2024	-
2	Ông Nguyễn Thế Quyết/ <i>Mr. Nguyen The Quyet</i>	Thành viên HĐQT <i>Members of the Board of Directors</i>	31/01/2026	-
3	Ông Trần Văn Tuấn/ <i>Mr. Tran Van Tuan</i>	Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent members of the Board of Directors</i>	31/01/2026	-
4	Ông Lê Trọng Tuấn/	Thành viên HĐQT	30/06/2026	-

	Mr. Le Trong Tuan	Members of the Board of Directors		
5	Ông Đào Đức Diễm/ Mr. Dao Duc Dien	Thành viên HĐQT Members of the Board of Directors	30/06/2026	-
6	Ông Dương Văn Tĩnh/ Mr. Duong Van Tinh	Thành viên HĐQT Members of the Board of Directors	29/06/2024	30/06/2026
7	Bà Nguyễn Thị Minh Loan/ Mrs. Nguyen Thi Minh Loan	Thành viên HĐQT Members of the Board of Directors	26/10/2024	31/01/2026
8	Ông Đào Văn Minh/ Mr. Dao Van Minh	Thành viên HĐQT Members of the Board of Directors	26/10/2024	31/01/2026
9	Ông Nguyễn Hải Quân/ Mr. Nguyen Hai Quan	Thành viên độc lập HĐQT Independent members of the Board of Directors	26/10/2024	31/01/2026
10	Ông Nguyễn Viết Thịnh/ Mr. Nguyen Viet Thinh	Thành viên HĐQT Members of the Board of Directors	31/01/2026	30/06/2026

2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT Board of Directors' members	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons of absence
1	Ông Trần Công Thành/ Mr. Tran Cong Thanh	10/10	100%	-
2	Ông Nguyễn Thế Quyết/ Mr. Nguyen The Quyet	09/10	90,0%	Bổ nhiệm ngày 31/01/2026 / Appointed on 31 January, 2026
3	Ông Trần Văn Tuấn/ Mr. Tran Van Tuan	09/10	90,0%	Bổ nhiệm ngày 31/01/2026 / Appointed on 31 January, 2026
4	Ông Lê Trọng Tuấn/	00/10	0%	Bổ nhiệm ngày 30/06/2026

	<i>Mr. Le Trong Tuan</i>			<i>/ Appointed on 30 June, 2026</i>
5	<i>Ông Đào Đức Diễn/ Mr. Dao Duc Dien</i>	00/10	0%	<i>Bổ nhiệm ngày 30/06/2026 / Appointed on 30 June, 2026</i>
6	<i>Ông Dương Văn Tịnh/ Mr. Duong Van Tinh</i>	10/10	100%	-
7	<i>Bà Nguyễn Thị Minh Loan/ Mrs. Nguyen Thi Minh Loan</i>	01/10	10,0%	<i>Miễn nhiệm ngày 31/01/2026 / Dismissed on 31 January, 2026</i>
8	<i>Ông Đào Văn Minh/ Mr. Dao Van Minh</i>	01/10	10,0%	<i>Miễn nhiệm ngày 31/01/2026 / Dismissed on 31 January, 2026</i>
9	<i>Ông Nguyễn Hải Quân/ Mr. Nguyen Hai Quan</i>	01/10	10,0%	<i>Miễn nhiệm ngày 31/01/2026 / Dismissed on 31 January, 2026</i>
10	<i>Ông Nguyễn Viết Thịnh/ Mr. Nguyen Viet Thinh</i>	09/10	90,0%	<i>Miễn nhiệm ngày 31/01/2026 / Dismissed on 31 January, 2026</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã thực hiện việc giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp về hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc/ *During the first 6 months of 2026, the Board of Directors (BOD) performed its supervisory role over the Board of Management's (BOM) operations through regular meetings regarding the Company's business performance.*
- Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thực hiện triển khai đầy đủ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra, bao gồm: triển khai các nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 và tập trung, tăng cường chỉ đạo rà soát, triển khai và hoàn thiện các hoạt động trọng điểm của Công ty/ *The BOD monitored the BOM in fully executing the Resolutions issued by the BOD, which included: implementing the comprehensive business plan, executing the matters approved at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders and the 2026 Extraordinary General Meeting of Shareholders, and intensively directing the review, implementation, and completion of the Company's key activities.*

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *The BOD collaborated with the Supervisory Board to conduct inspections and oversight of the Company's business and production operations.*
- Tích cực hoạt động tạo ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác quan trọng để mở rộng thị trường, chuyển đổi những hoạt động (kinh doanh, dự án cũ) mất khả năng sinh lời hoặc thiếu tính bền vững sang những mảng hoạt động mới có tính bền vững và có tỷ suất lợi nhuận cao hơn/ *The BOD actively engaged in creating partnership opportunities with key partners to expand the market, while shifting unprofitable or unsustainable activities (legacy businesses and projects) toward new, sustainable sectors with higher profit margins.*
- HĐQT giám sát và kiểm tra công tác quản trị nhân lực của Ban Tổng Giám đốc; xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu của Công ty; Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động sao cho thỏa đáng trên cơ sở quy định của pháp luật/ *The BOD supervised and inspected the BOM's human resource management, established workforce recruitment plans tailored to the Company's operational needs, and monitored the implementation of employee policies to ensure fair treatment in compliance with applicable laws.*
- Xây dựng và hoàn thiện quy trình làm việc; Quản trị thông tin liên lạc một cách khoa học để nâng cao khả năng quản lý tài chính và chất lượng quản trị nói chung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty/ *Focused on developing and refining working workflows, as well as managing internal communications systematically, thereby enhancing financial management capabilities and overall governance quality to fit the Company's practical operations..*
- 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees (if any):* Không có/None.
- 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
-------------	---	---------------	-----------------------	--

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
1	2601/2026/CTP/NQ -HĐQT	26/01/2026	- Thông qua danh sách ứng viên giới thiệu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 để bầu thay thế tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026/ <i>Approval of the shortlist of nominated candidates for the Board of Directors for the 2023–2028 tenure, to be presented for the replacement election at the 2026 Extraordinary General Meeting of Shareholders;</i> - Thông qua chấp thuận kiến nghị của cổ đông lớn về việc bổ sung vấn đề vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026/ <i>Approval of the major shareholder's proposal to add supplementary items to the agenda of the 2026 Extraordinary General Meeting of Shareholders.</i>	100%
2	2703/2026/CTP/NQ -HĐQT	27/03/2026	Thông qua việc điều chỉnh nội dung góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư CTP Holding/ <i>Approval of the adjustment to the capital contribution details in CTP Holding Investment Joint Stock Company.</i>	100%
3	0204a/2026/CTP/N Q-HĐQT	02/04/2026	Thông qua việc nhận chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần XNK Nông sản An Lộc Phát/ <i>Approval of the acquisition of the capital contribution in An Loc Phat Agricultural Products Import Export Joint Stock Company</i>	100%
4	0204b/2026/CTP/N Q-HĐQT	02/04/2026	Thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Rồng Bazzan/ <i>Approval of the acquisition of the capital contribution in Rong Bazzan Company Limited</i>	100%

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
5	2104/2026/CTP/NQ -HĐQT	21/04/2026	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Approval of the extension of the timeline for convening the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
6	1405/2026/CTP/NQ -HĐQT	14/05/2026	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Approval of the plan to convene the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
7	2205/2026/CTP/NQ -HĐQT	22/05/2026	Thông qua việc thành lập các Địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group/ <i>Approval of the establishment of business locations under CTP Group Joint Stock Company.</i>	100%
8	01/2026/CTP/NQ- HĐQT	09/06/2026	- Thông qua việc tham gia đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần MDHOMES/ <i>Approval of the participation in capital contribution and investment in MDHOMES Joint Stock Company;</i> - Thông qua việc cử Người đại diện quản lý phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần MDHOMES/ <i>Approval of the appointment of the Authorized Representative to manage the Company's invested capital in MDHOMES Joint Stock Company.</i>	100%

Stt/ No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày/ Date	Nội dung/ Contents	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
9	2506/2026/CTP/NQ -HĐQT	25/06/2026	- Thông qua danh sách ứng viên giới thiệu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 để bầu thay thế tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Approval of the shortlist of nominated candidates for the Board of Directors for the 2023–2028 tenure, to be presented for the replacement election at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders;</i> - Thông qua chấp thuận kiến nghị của cổ đông lớn về việc bổ sung vấn đề vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Approval of the major shareholder's proposal to add supplementary items to the agenda of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
10	2906/2026/CTP/NQ -HĐQT	29/06/2026	Thông qua việc thoái toàn bộ phần vốn sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển BĐS Phú Khánh/ <i>Approval of the full divestment of the Company's ownership interest in Phu Khanh Real Estate Investment and Development Joint Stock Company.</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/ *Supervisory Board (6-Month Report):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information on Members of the Supervisory Board:*

Stt/ No.	Thành viên BKS / <i>Supervisory Board Member</i>	Chức vụ / <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS / <i>Date of Appointment / Ceasing to be a Member</i>	Trình độ chuyên môn / <i>Professional Qualification</i>
-------------	---	------------------------------	---	---

1	Trần Mạnh Linh / <i>Tran Manh Linh</i>	Trưởng BKS / <i>Head of the Supervisory Board</i>	Bổ nhiệm ngày 29/06/2024 / <i>Appointed on 29/06/2024</i>	Đại học/ <i>Bachelor's Degree</i>
2	Nguyễn Thị Thùy Trang / <i>Nguyen Thi Thuy Trang</i>	Thành viên BKS / <i>Supervisory Board Member</i>	Bổ nhiệm ngày 26/10/2024 / <i>Appointed on 26/10/2024</i>	Đại học/ <i>Bachelor's Degree</i>
3	Hồ Thị Bảo Ngọc / <i>Ho Thi Bao Ngoc</i>	Thành viên BKS / <i>Supervisory Board Member</i>	Bổ nhiệm ngày 26/10/2024 / <i>Appointed on 26/10/2024</i>	Đại học/ <i>Bachelor's Degree</i>

2. Cuộc họp của BKS/ *Meetings of the Supervisory Board:*

Stt /No.	Thành viên BKS / <i>Supervisory Board Member</i>	Số buổi họp tham dự / <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp / <i>Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết / <i>Voting Rate</i>	Lý do không tham dự họp / <i>Reason for Absence</i>
1	Trần Mạnh Linh / <i>Tran Manh Linh</i>	01/01	100%	100%	-
2	Nguyễn Thị Thùy Trang / <i>Nguyen Thi Thuy Trang</i>	01/01	100%	100%	-
3	Hồ Thị Bảo Ngọc / <i>Ho Thi Bao Ngoc</i>	01/01	100%	100%	-

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/
Oversight Activities of the Supervisory Board over the BOD, the BOM, and Shareholders:

- Ban kiểm soát đã tiến hành 01 phiên họp, tiến hành các hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động Công ty qua báo cáo tài chính và thực hiện kiểm tra một số hồ sơ tài liệu. Nội dung giám sát gồm/ *The Supervisory Board convened 01 meeting, conducted supervisory activities, evaluated the Company's operations through financial statements, and inspected selected records and documents. The scope of oversight included::*
 - + Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và thẩm định báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Monitoring the activities of the Board of Directors and appraising the BOD's performance reports.*
 - + BKS đã kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các văn bản, báo cáo định kỳ của các Phòng chuyên môn/ *Inspecting and supervising various operational aspects of the*

Company by attending meetings of the Board of Directors and the Board of Management, as well as reviewing periodic documents and reports submitted by specialized departments.

+ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách pháp luật, chế độ của Nhà nước, các quy định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng Giám đốc/ *Inspecting and supervising compliance with legal regulations, state policies, and regulations issued by the BOD and the BOM through the review and study of BOD Resolutions and executive decisions regarding business operations made by the BOM.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *Coordination between the Supervisory Board and the BOD, the BOM, and Other Managers:*
- Ban kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phòng ban chức năng, tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra của Ban kiểm soát/ *The Supervisory Board received excellent cooperation from the BOD, the BOM, and managers of functional departments, who provided favorable conditions in terms of facilities and fully supplied the necessary information and documents for the Supervisory Board's inspection work.*
 - Hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo đúng điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/ *The activities of the Supervisory Board were executed in strict compliance with the Company's Charter and the Resolutions of the General Meeting of Shareholders.*
5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other Activities of the Supervisory Board (if any):*
Không có/ *None.*

IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

STT /No.	Thành viên Ban điều hành / <i>Board of Management Member</i>	Ngày tháng năm sinh / <i>Date of Birth</i>	Chức vụ / <i>Position</i>	Trình độ chuyên môn / <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành / <i>Date of Appointment / Dismissal</i>
1	Dương Văn Tĩnh / <i>Duong Van Tinh</i>	16/06/1995	Tổng Giám đốc / <i>Chief Executive Officer (CEO)</i>	Đại học / <i>Bachelor's Degree</i>	Bổ nhiệm ngày 29/04/2025 / <i>Appointed on 29/04/2025</i>

V. Kế toán trưởng/ *Chief accountant:*

STT /No.	Họ và tên / <i>Full Name</i>	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
-------------	---------------------------------	------------------------	---------------------------------------	---------------------------------

		/ Date of Birth	/ Professional Qualification	/ Date of Appointment / Dismissal
1	Phùng Thị Đào / <i>Phung Thi Dao</i>	02/01/2000	Đại học / <i>Bachelor's Degree</i>	Bổ nhiệm 17/04/2025 / <i>Appointed on 17/04/2025</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ Corporate governance training:

Công ty chú trọng công tác đào tạo nội bộ để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV. Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Công ty tham gia các hội thảo quản trị công ty do UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội mời tham dự/ *The Company places great emphasis on internal training to share knowledge and experience, as well as to enhance the professional skills and expertise of all employees. Regarding corporate governance training courses attended by members of the BOD, the Supervisory Board, the CEO, and other managers in accordance with corporate governance regulations: The Company participated in corporate governance seminars organized and invited by the State Securities Commission (SSC) and the Hanoi Stock Exchange (HNX).*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ List of related persons of the public company (6-Month Report) and transactions between related persons and the company:

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Chi tiết tại Phụ lục 1./ *List of related persons of the Company: Details are provided in Appendix 1.*
2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: / *Transactions between the Company and its related persons; or between the Company and major shareholders, internal persons, or related persons of internal persons:*

STT / No.	Tên tổ chức/cá nhân / <i>Name of organization / individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / <i>Head office /</i>	Thời điểm giao dịch với công	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch / <i>Content, quantity, and</i>	Ghi chú / <i>Note</i>
-----------	---	--------------------------------	---------------------------------	--	------------------------------	--	---	--------------------------

		ty /Relations hip with the comp any	NSH/ Legal Docum ent No., date/pl ace of issue	Contact address	ty / Trans action date	qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) / Approval Resolutio n / Decision No.	total transaction value	
1	Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Du Lịch Hiền Lương / <i>Hien Luong Tourism Investment and Development Company Limited</i>	Công ty liên kết / <i>Asso ciate d comp any</i>	54004 97804	Tiểu khu Liên Phương, Xã Đà Bắc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam / <i>Lien Phuong Sub-area, Da Bac Commune, Phu Tho Province, Vietnam</i>	28/02 /2026		Nội dung: Giá trị khối lượng được nghiệm thu, hoàn thành thi công xây dựng Số tiền: 657.959.385 / <i>Content: Accepted and completed construction volume value</i> <i>Amount: VND 657,959,385</i>	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN AN LỘC PHÁT (nay là CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN EAKAR VINA) / <i>AN LOC PHAT AGRICULTURAL PRODUCTS IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY (currently EAKAR VINA AGRICULTURAL PRODUCTS IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY)</i>	Bên liên quan khác / <i>Othe r relat ed party</i>	03182 17413	L17-11, Tầng 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh / <i>L17-11, 17th Floor, Vincom Center Building, 72 Le Thanh Ton Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City</i>	20/04 /2026		Nội dung: Nhập mua hàng hóa nông sản Số tiền là 6.999.908.532 / <i>Content: Purchase/Im port of agricultural products</i> <i>Amount: VND 6,999,908,532</i>	

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có./ *Transactions between internal persons of the Company, related persons of internal persons and the Company's subsidiaries or companies controlled by the Company: None.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other entities:*
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có/ *Transactions between the Company and companies where members of the BOD, members of the Supervisory Board, the CEO, and other managers have been founding members or members of the BOD or Chief Executive Officers within the last three (03) years (calculated at the time of reporting): None.*
- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Không có/ *Transactions between the Company and companies where related persons of members of the BOD, members of the Supervisory Board, the CEO, and other managers serve as members of the BOD or Chief Executive Officers: None.*
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác: Không có/ *Other transactions of the Company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the BOD, members of the Supervisory Board, the CEO, and other managers: None.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/ *Share transactions of internal persons and related persons of internal persons (6-Month Report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Chi tiết tại Phụ lục 2./ *List of internal persons and related persons of internal persons: Details are provided in Appendix 2.*
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Chi tiết tại Phụ lục 3./ *Transactions of internal persons and related persons involving the Company's shares: Details are provided in Appendix 3.*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có/ *Other significant matters to note: None*

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu: VT/ *Archived: Archives.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
/ **ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**
CHAIRMAN



TRẦN CÔNG THÀNH



PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY
/ APPENDIX 1: LIST OF RELATED PERSONS OF THE COMPANY

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
A NGƯỜI NỘI BỘ / INTERNAL PERSON									
1	Trần Công Thành	-	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật / Chairman of the BOD – Legal Representative			29/06/2024	-	Bổ nhiệm / Appointment	Người nội bộ / Internal person
2	Đào Đức Diễn	-	Thành viên HĐQT / Member of the BOD			30/06/2026	-	Bổ nhiệm / Appointment	Người nội bộ / Internal person
3	Nguyễn Thế Quyết	-	Thành viên HĐQT			31/01/2026	-	Bổ nhiệm	Người nội bộ / Internal person



STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
			/Member of the BOD					/Appointment	
4	Lê Trọng Tuấn	-	Thành viên HĐQT /Member of the BOD			30/06/2026	-	Bổ nhiệm /Appointment	Người nội bộ / Internal person
5	Trần Văn Tuấn	-	Thành viên độc lập HĐQT / Independent Member of the BOD			31/01/2026	-	Bổ nhiệm /Appointment	Người nội bộ / Internal person
6	Nguyễn Viết Thịnh	-	Thành viên HĐQT /Member of the BOD			31/01/2026	30/06/2026	Miễn nhiệm /Dismissal	Người nội bộ / Internal person

STT	Tên tổ chức/cá nhân / <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) / <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / <i>ID/Passport No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / <i>Head office address/ Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / <i>Time of becoming a related person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan / <i>Time of ceasing to be a related person</i>	Lý do / <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty / <i>Relationship with the company</i>
7	Trần Mạnh Linh	-	Trưởng BKS / <i>Head of the Supervisory Board</i>			29/06/2024	-	Bổ nhiệm / <i>Appointment</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>
8	Nguyễn Thùy Trang	-	Thành viên BKS / <i>Member of the Supervisory Board</i>			26/10/2024	-	Bổ nhiệm / <i>Appointment</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>
9	Hồ Thị Bảo Ngọc	-	Thành viên BKS / <i>Member of the Supervisory Board</i>			26/10/2024	-	Bổ nhiệm / <i>Appointment</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân / <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) / <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / <i>ID/Passport No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / <i>Head office address/ Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / <i>Time of becoming a related person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan / <i>Time of ceasing to be a related person</i>	Lý do / <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty / <i>Relationship with the company</i>
10	Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền	-	Thư ký HĐQT kiêm quản trị Công ty / <i>BOD Secretary cum Corporate Governance Officer</i>			10/11/2021	-	Bổ nhiệm / <i>Appointment</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>
11	Phùng Thị Đào	-	Kế toán trưởng / <i>Chief Accountant</i>			17/04/2025	-	Bổ nhiệm / <i>Appointment</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
12	Dương Văn Tịnh	-	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ, Người đại diện theo pháp luật / Member of the BOD cum CEO, Legal Representative			29/06/2024	30/06/2026	Miễn nhiệm TV HĐQT / Dismissal as a BOD Member	Người nội bộ / Internal person
13	Nguyễn Thị Minh Loan	-	Thành viên HĐQT / Member of the BOD			26/10/2024	31/01/2026	Miễn nhiệm / Dismissal	Người nội bộ / Internal person

STT	Tên tổ chức/cá nhân / <i>Name of organization/in individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) / <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / <i>ID/Passport No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / <i>Head office address/ Contact address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / <i>Time of becoming a related person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan / <i>Time of ceasing to be a related person</i>	Lý do / <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty / <i>Relationship with the company</i>
14	Đào Văn Minh	-	Thành viên HĐQT / <i>Member of the BOD</i>			26/10/2024	31/01/2026	Miễn nhiệm / <i>Dismissal</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>
15	Nguyễn Hải Quân	-	Thành viên độc lập HĐQT / <i>Independent Member of the BOD</i>			26/10/2024	31/01/2026	Miễn nhiệm / <i>Dismissal</i>	Người nội bộ / <i>Internal person</i>
B NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ (trình bày tại Phụ lục 2)/ <i>RELATED PERSONS OF INSIDERS (presented in Appendix 2)</i>									
C BÊN LIÊN QUAN KHÁC/ <i>OTHER RELATED PARTIES</i>									

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Du lịch Hiền Lương/ Hien Luong Tourism Development And Investment Company Limited	-	-	Số 5400497804, ngày cấp 17/02/2023, nơi cấp: Sở KH & ĐT Hòa Bình / No. 5400497804, date of issue: 17/02/2023, place of issue: Hoa Binh Department of Planning and Investment	Tiểu Khu Liên Phương, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình / Lien Phuong Sub-quarter, Da Bac Town, Da Bac District, Hoa Binh Province	30/09/2024	-	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp/ Acquisition of contributed capital	Công ty liên kết / Associated company

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
2	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Phú Khánh/ PHU KHANH BDS DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	-	Số 4202019152, ngày cấp 19/3/2025, nơi cấp: Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa / No. 4202019152, date of issue: 19/03/2025, place of issue: Khanh Hoa Department of Finance	Số 08 đường A1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Phường Vĩnh Hiệp, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa / No. 08 A1 Street, Vinh Diem Trung Urban Area, Vinh Hiep Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province	19/03/2025	-	Góp vốn thành lập công ty / Capital contribution for company establishment	Bên liên quan khác / Other related parties

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
3	CTCP Đầu tư CTP Holding/ CTP HOLDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	-	Số 0111165938, ngày cấp 06/08/2025, nơi cấp: Sở Tài chính TP Hà Nội / No. 0111165938, date of issue: 06/08/2025, place of issue: Hanoi Department of Finance	Tầng 9, tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội / 9th Floor, SIMCO Song Da Building, Van Phuc New Urban Sub-quarter, Ha Dong District, Hanoi City	06/08/2025	-	Góp vốn thành lập công ty / Capital contribution for company establishment	Bên liên quan khác / Other related parties

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
4	CÔNG TY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN AN LỘC PHÁT / AN LOC PHAT AGRICULTURAL PRODUCTS IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED	-	-	Số 0318217413, ngày cấp 06/08/2025, nơi cấp: Sở Tài chính TP HCM / No. 0318217413, date of issue: 06/08/2025, place of issue: HCM Department of Finance	L17-11, tầng 17, tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam / L17-11, 17th Floor, Vincom Center Building, 72 Le Thanh Ton Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	04/06/2026	-	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp/ Acquisition of contributed capital	Bên liên quan khác (Đầu tư 15%) / Other related parties (15% Investment)

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
5	CÔNG TY CỔ PHẦN MDHOMES / MDHOMES Joint Stock Company	-	-	Số 0319499739, ngày cấp 06/08/2025, nơi cấp: Sở Tài chính TP HCM / No. 0319499739, date of issue: 06/08/2025, place of issue: HCM Department of Finance	159 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh/ 159 Vo Van Tan, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	16/06/2026	-	Tham gia đầu tư góp vốn	Cùng thành viên quản lý chủ chốt / Together with key management personnel

STT	Tên tổ chức/cá nhân / Name of organization/in dividual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No.*, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ / Head office address/ Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan / Time of becoming a related person	Thời điểm không còn là người có liên quan / Time of ceasing to be a related person	Lý do / Reason	Mối quan hệ liên quan với công ty / Relationship with the company
6	CÔNG TY TNHH RỒNG BAZZAN / RONG BAZZAN COMPANY LIMITED	-	-	Số 6001707610, ngày cấp 06/08/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Tỉnh Đắk Lắk / No. 6001707610, date of issue: 06/08/2025, place of issue: Đắk Lắk Department of Finance	Số 283 Y Ngông, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, Việt Nam / No. 283 Y Ngong Street, Buon Ma Thuot Ward, Dak Lak Province, Vietnam	05/06/2026	-	Nhận chuyển nhượng phần vốn góp/ Acquisition of contributed capital	Bên liên quan khác / Other related parties

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
/ APPENDIX 2: LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1	Trần Công Thành / Tran Cong Thanh	-	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người ĐDPL / Chairman of the BOD – Legal Representative			0	0,00%	-
1.1	Trần Công Lân / Tran Cong Lan	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1.2	Phạm Thị Tiến / Pham Thi Tien	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
1.3	Lê Anh Tuấn / Le Anh Tuan	-	Không/ None			0	0%	Bố vợ / Father- in-law
1.4	Lương Thị Vui / Luong Thi Vui	-	Không/ None			0	0%	Mẹ vợ / Mother- in-law
1.5	Lê Thị Thu Hiền / Le Thi Thu Hien	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1.6	Trần Lê Phương Bảo / Tran Le Phuong Bao	-	Không/ None			0	0%	Con gái / Daughter
1.7	Trần Minh Quang / Tran Minh Quang	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son
1.8	Trần Minh Ngọc / Tran Minh Ngoc	-	Không/ None			0	0%	Con gái / Daughter
1.9	Trần Thị Thuận / Tran Thi Thuan	-	Không/ None			0	0%	Chị Gái / Older Sister



STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1.10	Nguyễn Văn Thịnh / Nguyen Van Thinh	-	Không/ None			0	0%	Anh rể / Brother- in-law
1.11	Trần Công Đức / Tran Cong Duc	-	Không/ None			0	0%	Anh trai / Older Brother
1.12	Hoàng Thị Dung / Hoang Thi Dung	-	Không/ None			0	0%	Chị dâu / Sister- in-law
1.13	Lê Quỳnh Trang / Le Quynh Trang	-	Không/ None			0	0%	Em vợ / Sister- in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1.14	CTCP Starlands Việt Nam / STARLANDS VIET NAM JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Ông Trần Công
1.15	CTCP Đầu tư Stars Capital / STARS CAPITAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
1.16	CTCP Đầu tư CTP Holding / CTP HOLDING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Thành lâm TGD / Mr. Tran Cong Thanh serves as Chairman of the BOD
2	Đào Đức Diễn / Dao Duc Dien	-	Thành viên HĐQT / Member of the BOD			0	0%	

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.1	Đào Đức Du / Dao Duc Du	-	Không/ None					Bố đẻ / Biological Father
2.2	Đào Thị Đoan / Dao Thi Doan	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
2.3	Trương Thị Kiều Trang	-	Không/ None			0	0%	Mẹ vợ / Mother- in-law
2.4	Võ Tân	-	Không/ None			0	0%	Bố vợ / Father- in-law



STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.5	Đào Thị Diên / Dao Thi Dien	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
2.6	Nguyễn Văn Trọng / Nguyen Van Trong	-	Không/ None			0	0%	Em rể / Brother-in-law
2.7	Đào Thị Thu Hà / Dao Thi Thu Ha	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
2.8	Võ Ngọc Trân / Vo Ngoc Tran	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife
2.9	Đào Đức Thành / Dao Duc Thanh	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.10	Trương Vũ Minh Đăng / <i>Truong Vu Minh Dang</i>	-	Không/ <i>None</i>			0	0%	Con trai / <i>Son</i>
2.11	Võ Ngọc Trọng / <i>Vo Ngoc Trong</i>	-	Không/ <i>None</i>			0	0%	Em vợ / <i>Brother-in-law</i>

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Đăng / MINH DANG GROUP IMPORT EXPORT TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Ông Đào Đức Diễn làm TGDĐ / Mr. Dao Duc Dien serves as CEO

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.13	Công ty Cổ phần SCA Buôn Ma Thuột / SCA BUON MA THUOT JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Ông Đào Đức Diễn làm Chủ tịch HĐQT / Mr. Dao Duc Dien serves as Chairman of the BOD

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
2.14	Công ty Cổ phần MDHomes / MDHOMES JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Ông Đào Đức Diễn làm Chủ tịch HĐQT / Mr. Dao Duc Dien serves as Chairman of the BOD
3	Nguyễn Thế Quyết / Nguyen The Quyet	-	Thành viên HĐQT / Member of the BOD			40.000	0,3%	-

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
3.1	Nguyễn Văn Quỳnh / Nguyen Van Quynh	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
3.2	Đinh Thị Huê / Dinh Thi Hue	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
3.3	Dương Huy Nhân / Duong Huy Nhan	-	Không/ None			0	0%	Bố vợ / Father-in-law
3.4	Nguyễn Thị Thu Hương / Nguyen Thi Thu Huong	-	Không/ None			0	0%	Mẹ vợ / Mother-in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
3.5	Dương Thị Thu Trang / Duong Thi Thu Trang	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife
3.6	Nguyễn Thế Minh Kỳ / Nguyen The Minh Ky	-	Không/ None			0	0%	Con đẻ / Biological Child
3.7	Nguyễn Thế Minh Đạt / Nguyen The Minh Dat	-	Không/ None			0	0%	Con đẻ / Biological Child
3.8	Nguyễn Thị Thanh Huyền / Nguyen Thi Thanh Huyen	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
3.9	Nguyễn Quyết Thắng / Nguyen Quyet Thang	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
3.10	Dương Huy Hoàng / Duong Huy Hoang	-	Không/ None			0	0%	Em vợ / Wife's younger brother
4	Lê Trọng Tuấn / Le Trong Tuan	-	TV HĐQT / Member of the BOD			991.200	8,19%	-
4.1	Lê Trọng Tấn / Le Trong Tan	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
4.2	Hà Thị Ngọc Lan / Ha Thi Ngoc Lan	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
4.3	Lê Thu Hà / Le Thu Ha	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister
4.4	Nguyễn Vũ Quang / Nguyen Vu Quang	-	Không/ None			206.900	1,71%	Anh rể / Brother- in-law
4.5	Lê Lan Phương / Le Lan Phuong	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
4.6	Cao Sỹ Niêm / Cao Sy Niem	-	Không/ None			0	0%	Anh rể / Brother- in-law
4.7	Lê Trọng Hiếu / Le Trong Hieu	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son
4.8	Lê Minh Trí / Le Minh Tri	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son
4.9	Lê Minh Khoa / Le Minh Khoa	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son
4.10	Lê Ngọc Hân / Le Ngoc Han	-	Không/ None			0	0%	Con gái / Daughter

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
4.11	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Minh Khoa / MINH KHOA INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED	-	Không/ None			0	0%	Ông Lê Trọng Tuấn làm Giám đốc / Mr. Le Trong Tuấn serves as Director
5	Trần Văn Tuấn / Tran Van Tuan	-	TV độc lập HĐQT / Independent Member of the BOD			0	0%	-

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
5.1	Trần Văn Huy / Tran Van Huy	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
5.2	Lê Thị Hào / Le Thi Hao	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
5.3	Nguyễn Kim Oanh / Nguyen Kim Oanh	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife
5.4	Trần Thế Anh / Tran The Anh	-	Không/ None			0	0%	Con đẻ / Biological Child

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
5.5	Trần Minh Hiếu / Tran Minh Hieu	-	Không/ None			0	0%	Con đẻ / Biological Child
5.6	Trần Văn Tổ / Tran Van To	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
5.7	Trần Ngọc Sơn / Tran Ngoc Son	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
5.8	Trần Thị Anh Thu / Tran Thi Anh Thu	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
5.9	Trần Thị Nhâm / Tran Thi Nham	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
5.10	Nguyễn Bá Dẫn / Nguyen Ba Dan	-	Không/ None			0	0%	Bố vợ / Father- in-law
5.11	Nguyễn Thị Hải Yến / Nguyen Thi Hai Yen	-	Không/ None			0	0%	Chị vợ / Wife's older sister
5.12	Nguyễn Thị Thu Hoàn / Nguyen Thi Thu Hoan	-	Không/ None			0	0%	Em vợ / Wife's younger sibling

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
5.13	Nguyễn Quảng Trường / Nguyen Quang Truong	-	Không/ None			0	0%	Em vợ / Wife's younger sibling
6	Nguyễn Viết Thịnh / Nguyen Viet Thinh	-	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 30/06/2026)			0	0%	-
6.1	Nguyễn Viết Thịnh / Nguyen Viet Thinh	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
6.2	Nguyễn Thị Lùng / Nguyen Thi Lung	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
6.3	Nguyễn Thị Loan / Nguyen Thi Loan	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister
6.4	Nguyễn Thị Phuong / Nguyen Thi Phuong	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister
6.5	Nguyễn Sỹ Đại / Nguyen Sy Dai	-	Không/ None			0	0%	Anh rể / Brother- in-law
6.6	Nguyễn Văn Hữu / Nguyen Van Huu	-	Không/ None			0	0%	Anh rể / Brother- in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
6.7	Chu Thị Viện / Chu Thi Vien	-	Không/ None			0	0%	Chị dâu / Sister- in-law
6.8	CÔNG TY TNHH BANI GROUP / BANI GROUP COMPANY LIMITED	-	Không/ None			0	0%	Ông Thịnh là Giám đốc / Mr. Thinh serves as Director

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
6.9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 / Project 3 Construction and Investment Joint Stock Company	-	Không/ None			0	0%	Ông Thịnh là Thành Viên Hội Đồng Quản Trị / Mr. Thinh serves as Member of the BOD

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
6.10	CÔNG TY TNHH GREEN LINK GLOBAL / GREEN LINK GLOBAL COMPANY LIMITED	-	Không/ None			0	0%	Ông Thịnh là Giám đốc / Mr. Thinh serves as Director
7	Trần Mạnh Linh / Tran Manh Linh	-	Trưởng BKS / Head of the Supervisory Board			0	0%	-
7.1	Trần Mạnh Cường / Tran Manh Cuong	-	Không/ None			0	0%	Bố ruột / Biological Father

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
7.2	Phan Thị Triệu / Phan Thi Trieu	-	Không/ None			0	0%	Mẹ ruột / Biological Mother
7.3	Trần Thành Nam / Tran Thanh Nam	-	Không/ None			0	0%	Anh trai / Older Brother
7.4	Hoàng Thị Vân Anh / Hoang Thi Van Anh	-	Không/ None			0	0%	Chị dâu / Sister- in-law
7.5	Trần Thị Hồng Nhưng / Tran Thi Hong Nhưng	-	Không/ None			0	0%	Chị gái / Older Sister



STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
7.6	Bùi Ngọc Ánh / Bui Ngoc Anh	-	Không/ None			0	0%	Bố vợ / Father-in-law
7.7	Lương Thị Loan / Luong Thi Loan	-	Không/ None			0	0%	Mẹ vợ / Mother-in-law
7.8	Bùi Minh Sáng / Bui Minh Sang	-	Không/ None			0	0%	Em vợ / Sibling-in-law
7.9	Bùi Minh Nguyệt / Bui Minh Nguyet	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife
7.10	Trần Bùi Vân San / Tran Bui Van San	-	Không/ None			0	0%	Con / Child

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
7.11	CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản Phú Khánh / PHU KHANH BDS DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	-	Không/ None			0	0%	Ông Trần Mạnh Linh làm Giám đốc / Mr. Tran Manh Linh serves as Director
8	Nguyễn Thùy Trang / Nguyen Thuy Trang	-	TV BKS / Member of the Supervisory Board			0	0%	-



STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
8.1	Nguyễn Văn Nhân / Nguyen Van Nhan	-	Không/ None			0	0%	Bố / Father
8.2	Vũ Thị Lễ / Vu Thi Le	-	Không/ None			0	0%	Mẹ / Mother
8.3	Nguyễn Thị Yên / Nguyen Thi Yen	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
8.4	Nguyễn Thị Hoa / Nguyen Thi Hoa	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
9	Hồ Thị Bảo Ngọc / Ho Thi Bao Ngoc	-	TV BKS / Member of the Supervisory Board			0	0%	-
9.1	Hồ Kiên Cường / Ho Kien Cuong	-	Không/ None			0	0%	Bố ruột / Biological Father
9.2	Hồ Thị Thiên Lý / Ho Thi Thien Ly	-	Không/ None			0	0%	Mẹ ruột / Biological Mother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
9.3	Hồ Thị Thanh Lam / Ho Thi Thanh Lam	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
9.4	Nguyễn Xuân Khánh / Nguyen Xuan Khanh	-	Không/ None			0	0%	Chồng / Husband
9.5	Nguyễn Anh Thư / Nguyen Anh Thu	-	Không/ None			0	0%	Con Gái / Daughter
9.6	Nguyễn Xuân Linh / Nguyen Xuan Linh	-	Không/ None			0	0%	Bố chồng / Father- in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
9.7	Nguyễn Thị Lợi / Nguyen Thi Loi	-	Không/ None			0	0%	Mẹ chồng / Mother-in-law
9.8	Nguyễn Xuân Mạnh / Nguyen Xuan Manh	-	Không/ None			0	0%	Anh chồng / Brother-in-law
9.9	Nguyễn Thị Phương / Nguyen Thi Phuong	-	Không/ None			0	0%	Chị dâu / Sister-in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
10	Nguyễn Lệ Ngọc Như Truyền / Nguyen Le Ngoc Nhu Truyen		Thư ký HĐQT kiêm quản trị Công ty / BOD Secretary cum Corporate Governance Officer			0	0%	-
10.1	Nguyễn Việt Thao / Nguyen Viet Thao	-	Không/ None			0	0%	Bố / Father
10.2	Ngô Thị Tiến / Ngo Thi Tien	-	Không/ None			0	0%	Mẹ / Mother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
10.3	Nguyễn Thị Mai Trinh / Nguyen Thi Mai Trinh	-	Không/ None			0	0%	Em / Younger sibling
10.4	Trần Quốc Anh / Tran Quoc Anh	-	Không/ None			0	0%	Chồng/ Husband
11	Phùng Thị Đào / Phung Thi Dao	-	Kế toán trưởng / Chief Accountant			0	0%	-
11.1	Phùng Tiến Tụ / Phung Tien Tu	-	Không/ None			0	0%	Bố / Father
11.2	Dương Thị Hoa / Duong Thi Hoa	-	Không/ None			0	0%	Mẹ / Mother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
11.3	Phùng Thị Liễu / Phung Thi Lieu	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
11.4	Phùng Thị Thùy Linh / Phung Thi Thuy Linh	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
11.5	Phùng Tiến Hùng / Phung Tien Hung	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
12	Dương Văn Tịnh / Dung Van Tinh	-	TV HĐQT kiêm TGĐ, Người đại diện theo pháp luật (miễn nhiệm TV HĐQT 30/06/2026) / Member of the BOD cum CEO (Dismissed from the BOD position on 30/06/2026)			0	0%	
12.1	Vũ Thị Trang / Vu Thi Trang	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
12.2	Dương Diệp Đan / Duong Diep Dan	-	Không/ None			0	0%	Con / Child
12.3	Dương Văn Tuấn / Duong Van Tuan	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
12.4	Đỗ Thị Huyền / Do Thi Huyen	-	Không/ None			0	0%	Em dâu / Sister-in-law
12.5	Dương Nam Trường / Duong Nam Truong	-	Không/ None			0	0%	Em Trai / Younger Brother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
12.6	Dương Văn Thông / Duong Van Thong	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
12.7	Nguyễn Thị Thoa / Nguyen Thi Thoa	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
13	Nguyễn Thị Minh Loan / Nguyen Thi Minh Loan	-	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/01/2026) / Member of the BOD (Dismissed on 31/01/2026)			0	0%	-

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
13.1	Nguyễn Duy Niệm / Nguyen Duy Niem	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
13.2	Chu Thị Sự / Chu Thi Su	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
13.3	Nguyễn Thị Việt Thu / Nguyen Thi Viet Thu	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
13.4	Lê Hồng Phương / Le Hong Phuong	-	Không/ None			0	0%	Em rể / Brother-in-law
13.5	Nguyễn Duy Thái / Nguyen Duy Thai	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
13.6	Nguyễn Thị Ánh Tuyết / Nguyen Thi Anh Tuyen	-	Không/ None			0	0%	Em dâu / Sister-in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
13.7	Nguyễn Thị Thanh Bình / Nguyen Thi Thanh Binh	-	Không/ None			0	0%	Em gái / Younger Sister
13.8	Lê Đức / Le Duc	-	Không/ None			0	0%	Em rể / Brother- in-law

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
13.9	Công ty TNHH Phát triển GD và hợp tác quốc tế Thanhmaihsk / THANHMAIHSK EDUCATION DEVELOPMENT AND INTERNATIONAL CO OPERATION COMPANY LIMITED	-	Không/ None			0	0%	Bà Loan làm GD vận hành / Ms. Loan serves as Chief Operating Officer (COO)

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
14	Đào Văn Minh / Dao Van Minh	-	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/01/2026) / Member of the BOD (Dismissed on 31/01/2026)			0	0%	-
14.1	Tổng Bạch Tuyết / Tong Bach Tuyet	-	Không/ None			0	0%	Vợ / Wife
14.2	Đào Trung Long / Dao Trung Long	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
14.3	Đào Thu Giang / Dao Thu Giang	-	Không/ None			0	0%	Con gái / Daughter
14.4	Đào Văn Cơ / Dao Van Co	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father
14.5	Ngô Minh An / Ngo Minh An	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
14.6	Đào Việt Cường / Dao Viet Cuong	-	Không/ None			0	0%	Anh trai / Older Brother

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
14.7	Võ Kim Diệp / Vo Kim Diep	-	Không/ None			0	0%	Chị dâu / Sister-in-law
14.8	Đào Trung Kiên / Dao Trung Kien	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
15	Nguyễn Hải Quân / Nguyen Hai Quan	-	TV độc lập HĐQT (miễn nhiệm ngày 31/01/2026) / Independent Member of the BOD (Dismissed on 31/01/2026)			0	0%	-

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ /Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
15.1	Nguyễn Minh Đức / Nguyen Minh Duc	-	Không/ None			0	0%	Con trai / Son
15.2	Nguyễn Minh Châu / Nguyen Minh Chau	-	Không/ None			0	0%	Con gái / Daughter
15.3	Đỗ Thị Mai / Do Thi Mai	-	Không/ None			0	0%	Mẹ đẻ / Biological Mother
15.4	Nguyễn Ngọc Dũng / Nguyen Ngoc Dung	-	Không/ None			0	0%	Bố đẻ / Biological Father

STT / No.	Họ tên / Full Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ / Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Ownership percentage at the end of the period	Ghi chú / Note
15.5	Nguyễn Chí Công / Nguyen Chi Cong	-	Không/ None			0	0%	Em trai / Younger Brother
15.6	Vũ Thùy Linh / Vu Thuy Linh	-	Không/ None			0	0%	Em dâu / Sister- in-law

PHỤ LỤC 3: GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY
/ APPENDIX 3: TRANSACTIONS OF INSIDERS AND RELATED PERSONS IN SHARES OF THE COMPANY

Stt / No.	Người thực hiện giao dịch / <i>Transaction Performer</i>	Quan hệ với người nội bộ / <i>Relationship with Insider</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2026) / <i>Number of shares owned at the beginning of the period (01/01/2026)</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (30/06/2026) / <i>Number of shares owned at the end of the period (30/06/2026)</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) / <i>Reason for increase/decrease (purchase, sale, conversion, bonus, etc.)</i>
			Số cổ phiếu / <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ / <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu / <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ / <i>Percentage</i>	
1	Lê Trọng Tuấn / <i>Le Trong Tuan</i>	Là cổ đông lớn (trở thành người nội bộ từ ngày 30/06/2026) / <i>As a major shareholder (becoming an insider from June 30, 2026)</i>	572.600	-	983.000	8,12%	Mua 211.400 cổ phiếu; Mua 199.000 cổ phiếu / <i>Purchased 211,400 shares; Purchased 199,000 shares</i>

